Ngày dạy: 15/2/2022

**Tiết**  89

**VĂN BẢN 2: KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT (TRỊNH VĂN)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của văn bản nghị luận xã hội.

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào quá trình đọc hiểu.

- Nêu được quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản.

***2.* Phẩm chất:**

- Biết tiết kiệm nước sạch; biết hành động để bảo vệ nguồn nước.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan.

III.Tiến trình dạy học

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

C**ách 1:**

*+* Em hiểu nước ngọt là gì Em hãy giải thích cho các bạn rõ sự khác nhau giữa: ***nước, nước mặn, nước ngọt, nước sạch***. Nguồn nước nhà em đang sử dụng trong sinh hoạt là loại nước nào?

+ Em hãy phát biểu ít nhất ba tác dụng của nước đối với cuộc sống con người.

**Cách 2**: **GV trình chiếu một số hình ảnh:**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

*? Các bức ảnh đều đề cập đến thực trạng nào? Em có suy nghĩ gì sau khi xem những hình ảnh trên?*

**Cách 3: GV chiếu cho HS xem video “Câu chuyện về giọt nước”.**

https://www.youtube.com/watch?v=g4GJq8Ii1vk

*? Em hãy rút ra thông điệp sau khi xem video.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, trả lời**: HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Dự kiến sản phẩm:**

**Cách 1:**

**\* Cách hiểu các khái niêm:**

- ***Nước:*** là một phân tử gọi là H2O chứa hai nguyên tử hydro và một nguyên tử ôxy. Đó là một chất lỏng trong suốt, không mùi mà bạn có thể tìm thấy trong hồ, sông ngòi và đại dương.

- ***Nước mặn***:

**+** là thuật ngữ chung để chỉ nước chứa một hàm lượng đáng kể các muối hòa tan (chủ yếu là NaCl). Hàm lượng này thông thường được biểu diễn dưới dạng phần nghìn (ppt) hay phần triệu (ppm) hoặc phần trăm (%) hay g/l.

**+** Là nước bị nhiễm mặn và không sử dụng được trong sinh hoạt.

- ***Nước ngọt:*** hay  được gọi là nước nhạt- là loại nước chứa một lượng tối thiểu các muối hòa tan, đặc biệt là natri clorua (thường có nồng độ các loại muối hay còn gọi là độ mặn trong khoảng 0,01 - 0,5 ppt hoặc tới 1 ppt), vì thế nó được phân biệt tương đối rõ ràng với nước lợ hay các loại nước mặn và nước muối.

- ***Nước sạch***: là nguồn nước trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa các độc chất và vi khuẩn gây bệnh cho con người. **Nước sạch** phải bảo đảm 14 chỉ tiêu, trong đó các tiêu chí về: Nitrat, clorua, asen, sắt, chì, mangan, thủy ngân,... theo quy chuẩn của Bộ Y tế.

\* Ba tác dụng của nước ngọt:

+ Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của con người (ăn uống, tắm giặt,…)

+ Hoà tan chất dinh dưỡng để cây trồng hấp thụ.

+ Cung cấp môi trường sống cho các loài thuỷ sản nước ngọt.

…

**Cách 2:** Các bước ảnh đều đề cập đến tình trạng thiếu nước, thiếu nước trầm trọng ở nhiều nơi trên thế giới. Không chỉ vậy, những người dân còn phải sử dụng nguồn nước bẩn, ô nhiễm bởi các loại chất thải, rác thải nhựa. Việc thiếu nước và sử dụng nguồn nước bẩn sẽ tác động lớn đến cuộc sống, sức khoẻ của người dân.

**Bước 3: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào cách ứng xử của bản thân và những người xung quanh để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:**

Nước ngọt là tài sản chung của tất cả mọi người. Nguồn nước đó đang bị ô nhiễm. Học bài học hôm nay, các em sẽ thấy được sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước ngọt chung.

* **GV cho HS điền vào phiếu KWL (điền cột K, W; cột L cuối giờ học điền): Chia sẻ suy nghĩ, hiểu biết về nước và nước ngọt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **K**  **(Những điều em đã biết)** | **W**  **(Những điều em muốn biết thêm)** | **L**  **(Những điều em đã học được)** |
| **Ví dụ:** nói rõ về các loại nước, tác dụng của nước, sự hình thành của nước, sự phân bố của nước, ô nhiễm nước,…) | ………… | ………….. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được phương thức biểu đạt chính, bố cục, vấn đề chính của VB *“Khan hiếm nước ngọt”*

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và cặp đôi chia sẻ.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng, chú ý âm lượng, tốc độ, sự biểu cảm khi đọc...  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi 02 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK: *Hi-ma-lay-a, phân huỷ, ngũ cốc, tài nguyên.*  *\** CÁ NHÂN*:*  *+ Ai là tác giả của VB “*Khan hiếm nước ngọt*”? VB được trích từ đâu?*  *+ Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn bản.*  *+* ***Văn bản bàn về vấn đề gì? Vấn đề đó được nêu ở phần nào? Tên văn bản và vấn đề đặt ra trong đó có liên quan gì với nhau?***  ***\****HS thảo luận nhóm theo CẶP ĐÔI:  *+ Văn bản chia làm mấy phần? Nêu ý chính của từng phần.*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.** | **I. Đọc, tìm hiểu chung văn bản**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK)  **2. Tìm hiểu chung**  **a.** **Xuất xứ**:  - Tác giả: Trịnh Văn  - Theo báo *Nhân dân,* số ra ngày 15/6/2003.. **b. Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận  **c. Vấn đề bàn luận:** nước ngọt không phải vô tận, nước ngọt đang hết dần (vấn đề của văn bản nghị luận này thể hiện rõ ngay ở nhan đề)  **d. Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):  -**Phần 1:** Nêu vấn đề khan hiếm nước ngọt.  - **Phần 2**: Thực trạng - Nguyên nhân- Hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.  - **Phần 3:** Nêu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt. |

**Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Biết nhận biết vấn đề nghị luận, hệ thống lí lẽ và bằng chứng mà người viết triển khai: nêu lên vấn đề; nêu ra thực trạng và nguyên nhân; đưa ra giải pháp cho vấn đề khan hiếm nước ngọt.

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \***Hướng dẫn HS tìm hiểu phần 1. Đặt vấn đề theo hình thức cá nhân:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 1 của văn bản.   * *HS nhắc lại vấn đề nghị luận đã được rút ra trong phần tìm hiểu chung.*   *? Tác giả đã nêu vấn đề bằng cách nào? Hiệu quả nghệ thuật được tạo ra nhờ cách nêu vấn đề đó là gì?*  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  Gợi ý: người viết dùng lỗi lập luận bác bỏ (đưa ra một nhận định, sau đó khẳng định nhận định đó là sai)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Đặt vấn đề**  - Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay.  - Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm:   + Người viết đưa ra nhận định : Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền🡪 điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước.  + Khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.  🡺 Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc. |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01:**  **TÌM HIỂU VẤN ĐỀ: NƯỚC NGỌT KHAN HIẾM**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhóm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | **Nhóm 1, 2**  **(Đoạn 1 phần 2)** | …. | …… | | **Nhóm 3, 4**  **(Đoạn 2 phần 2)** | … | …… | | **Nhóm 5, 6**  **(Đoạn 3 phần 2)** | …. | …… | | |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu phần 2 và phần 3 của văn bản:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  HS theo dõi phần 2 của văn bản.  Thảo luận nhóm Mảnh ghép:  **Vòng 1:** **Chuyên gia** (5 phút)  + GV chia lớp thành 06 nhóm nhỏ.  + Hoàn thành Phiếu học tập số 01 theo nhiệm vụ GV phân công.  **Vòng 2:** **Mảnh ghép:**  GV ghép nhóm mới – nhóm mảnh ghép. (05 phút):   * Chia sẻ kết quả thảo luận Phiếu học tập 01 ở vòng 1. * Nhóm mới thảo luận trả lời các câu hỏi:   *? Theo em, mục đích tác giả viết văn bản này là gì và được thể hiện rõ nhất ở câu văn, đoạn văn nào?*  *? Qua văn bản “Khan hiếm nước ngọt”, người viết thể hiện thái độ như thế nào đối với vấn đề nước ngọt?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Vòng 1:** Nhóm chuyên gia ***( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Các nhóm thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành 2 phiếu học tập.  **GV**: Hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  - GV gọi đại diện 02 nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-5p**  - GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | **2. Giải quyết vấn đề (Hệ thống lí lẽ và bằng chứng)**  - Bề mặt quả đất mênh mông là nước nhưng đó là nước mặn chứ không phải nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được:  + Hầu hết trên hành tinh mà chúng ta sống là nước mặn, nước ngọt thì bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.  + Số nước ngọt không phải vô tận, lại đang bị ô nhiễm do con người khai thác bừa bãi, xả bỏ rác thải, chất độc lại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.  - Nước có vai trò quan trọng trong sinh hoạt hằng ngày nhưng tình cảnh thiếu nước ngọt đang ngày càng gia tăng:   * Một tấn ngũ cốc phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500-1500 tấn nước * Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn 15000 đến 70000 tấn.   + Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi  - Nguồn nước khan hiếm nhưng lại phân bố không đều.  + Vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang thiếu nước ngọt bà con còn phải đi xa vài cây số để lấy nước.  + Việc khai thác nước ngọt ở những vùng núi đá này rất tốn kém. **3. Kết thúc vấn đề (Khẳng định và nêu giải pháp)**  - **Khẳng định vấn đề**:  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * **Nêu giải pháp:**   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên.    **\* Mục đích và thái độ của người viết:**  **- Mục đích**: Muốn kêu gọi và cảnh báo mọi người: cần tiết kiệm nước ngọt vì nước ngọt đang dần khan hiếm. Mục đích ấy thể hiện rõ nhất ở phần 1 và phần 3 của văn bản.  - **Thái độ của người viết**: nêu vấn đề rất nghiêm túc; bộc lộ sự lo lắng, trăn trở về việc nước ngọt đang dần khan hiếm. |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động thảo luận theo cặp đôi trong bàn:  ***+*** *Qua VB, em hãy chỉ ra sức hấp dẫn trong cách lập luận của tác giả.*  *+ Từ đó VB, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Nêu lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Kết hợp bằng chứng số liệu, đa dạng cả trong nước và trên thế giới tạo độ tin cậy, thuyết phục cao.  **2. Nội dung:**  Khẳng định tầm quan trọng của nước ngọt và ý nghĩa của việc tiết kiệm nước ngọt. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm của HS** |
| **\*Nhiệm vụ 1**: Làm việc cá nhân tại lớp:  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ.**  **BT 1.** So với những điều em biết về nước, văn bản cho em thêm những hiểu biết gì?  GV yêu cầu HS điền nốt cột L trong bảng KWL.  **BT 2:** [Kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D): Viết đoạn văn ngắn khoảng 8 – 10 dòng về chủ đề môi trường, trong đó có sử dụng thành ngữ “*nhiều như nước”.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi 1 số HS báo cáo.  - Các HS khác lắng nghe.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **Bài tập 1:** HS bày tỏ, chia sẻ những hiểu biết rút ra từ văn bản. Điền nốt cột L trong bảng KWL:  Gợi ý:  Những điều em biết thêm sau bài học:   * Nước không phải vô tận, sẽ bị cạn kiệt nếu con người không dùng tiết kiệm, hợp lí. * Nguồn nước ô nhiễm sẽ gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho con người, do đó con người cần phải có biện pháp để bảo vệ nguồn nước, xử lí nghiêm các hành vi làm ô nhiễm môi trường nước,…   **Bài tập 2: Viết đoạn văn:**  \* Nội dung đoạn văn  - Xác định nội dung chính: chủ đề môi trường.  - Bày tỏ suy nghĩ vai trò môi ttrường.  \* Hình thức đoạn văn: đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng. |

**Ví dụ đoạn văn mẫu BT 2:**

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần cạn kiệt do con người khai thác quá mức: các rừng cây, các động vật, thực vật quý hiếm, các mỏ khoáng sản, các nguồn nước, dầu, khí... Ngay cả tài nguyên nước tưởng chừng như vô tận bởi ai cũng luôn cho rằng **“nhiều như nước”** nhưng hiện nay nguồn nước ngọt cũng đang dần khan hiếm. Hậu quả của những hành động của con người còn làm cho môi trường - không gian sống chung đang ngày càng bị xuống cấp trầm trọng bởi rác thải mà con người thải ra mỗi ngày. Hàng triệu tấn rác thải nhựa, nilon bị ném xuống những dòng sông, xuống biển, gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Ôi, còn đâu một hành tinh xanh đẹp đẽ nữa! Con người ơi, phải chăng chúng ta nên hành động ngay để giữ gìn một hành tinh xanh của con cháu của chúng ta?

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

**Dạy học dự án: Tập làm phóng viên điều tra tình hình ô nhiễm nguồn nước ở địa phương em.**

* GV chia 04 nhóm.
* Nhiệm vụ chung của 04 nhóm:

+ Ghi lại các hình ảnh và phỏng vấn điều tra về tình hình ô nhiễm nguồn nước ở địa phương em.

+ Tìm hiểu các nguyên nhân chính gây ra tình trạng ô nhiễm đó ở địa phương.

+ Đề xuất các giải pháp mà HS có thể làm để góp phần cải thiện tình trạng ô nhiễm ở địa phương.

* Thời gian thực hiện sản phẩm dự án tìm hiểu: 05 ngày.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* Các nhóm tiến hành thực hiện khảo sát.
* Thu thập và xử lí thông tin về tình hình ô nhiễm ở địa phương. (HS có thể hỏi người thân hoặc phỏng vấn những người dân nơi điều tra).
* Lập báo cáo và hoàn thiện sản phẩm báo cáo.
* Liên tục báo cáo cho giáo viên tình hình để có phương án giúp đỡ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Nhóm trưởng nộp bảng phân công nhiệm vụ và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên.

- Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm dự án của nhóm mình (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần); có thể trình chiếu bằng sơ đồ cây mô tả dự án; trình chiếu powerpoint,…

**-** Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

Gợi ý:

* Các **hình ảnh** điều tra, phỏng vấn người dân về tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở địa phương.
* **Nguyên nhân** chủ yếu gây ra ô nhiễm nguồn nước hiện nay ở các địa phương: chủ yếu do ý thức của cn người:

+ Các hộ gia đình xả nước thải sinh hoạt ra ngoài mương, máng, sông ngòi.

+ Các hộ gia đình xả nước thải chăn nuôi ra môi trường.

+ Các cá nhân vô ý thức vứt rác bừa bãi ra môi trường.

+ Do chất thải của các khu công nghiệp, hộ kinh doanh làng nghề,…

* **Đề xuất giải pháp**:

+ Tuyên truyền người thân, hàng xóm ý thức bảo vệ môi trường.

+ Tổ chức các chiến dịch làm sách môi trường theo đơn vị trường, lớp, thôn, xóm,…

+ Dự án tái chế các đồ dùng bằng nhựa: làm chậu hoa từ chai nhựa, làm dụng cụ học tập,…

+ Làm đẹp các thùng rác công cộng.

…

\* **Công cụ đánh giá sản phẩm dự án học tập:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm (thang điểm 50)** |
| 1. Phân công nhiệm vụ rõ ràng, các thành viên tích cực, đoàn kết |  |
| 1. Thời gian trình bày (10đ) |  |
| 1. Nội dung kiến thức; hình ảnh minh hoạ (20đ) |  |
| 1. Kĩ năng thuyết trình sản phẩm học tập (10đ) |  |
| 1. Tính khả thi trong giải pháp đề xuất (10đ) |  |
| Tổng điểm |  |

**Hướng dẫn học ở nhà**:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm hiểu thêm tài liệu trên mạng internet về vấn đề bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên,..

- Chuẩn bị: Thực hành tiếng Việt về biện pháp từ Hán Việt.

**RÚT KINH NGHIỆM**

**……………………………………………………..**

Ngày dạy: 15/2/2022

|  |
| --- |
| **Tiết 90 - 91 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**  ***TỪ HÁN VIỆT, VĂN BẢN VÀ ĐOẠN VĂN*** |

* 1. **Mục tiêu**

1. **Năng lực:**

- Nhận biết, hiểu nghĩa từ Hán Việt; phân biệt từ Hán Việt với từ thuần Việt.

- Biết cách phân tích văn bản (xác định chủ đề, chỉ ra được tính thống nhất chủ đề, tính liên kết của văn bản).

- Biết cách đặt nhan đề phù hợp cho văn bản.

- Biết phân tích đoạn văn (xác định câu chủ đề của đoạn)

- Biết cách viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề nhất định.

**2.** **Phẩm chất:**

- Có ý thức giữ gìn tiếng Việt, học hỏi, trân trọng từ Hán Việt

-Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về biện pháp tu từ hoán dụ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:**

GV cho HS xem và nghe video bài hát “Thương ca tiếng Việt” (nhạc sĩ Đức Trí – Hà Quang Minh viết lời). Yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình sau khi nghe bài hát.



**Cách 2:**

 Tổ chức cuộc thi ***Nhanh như chớp*** với thể lệ như sau:

+ GV chia lớp ra thành 04 đội.

+ Trong thời gian 05 phút, đội nào nhanh tay tìm được nhiều từ Hán Việt nhất và nêu được đúng ý nghĩa của từng từ đó thì sẽ giành chiến thắng.

(Hoặc có thể cho HS các đội tìm những tên thành viên trong lớp có chứa yếu tố Hán Việt và nêu ý nghĩa của những tên đó. Đội nào có nhiều đáp án đúng nhất trong vòng 05 phút sẽ giành chiến thắng).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chia sẻ suy nghĩ/tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

Giáo viên tổng kết, nhận xét và dẫn dắt vào bài mới.

**- GV kết nối, dẫn vào nội dung tiết học**: Quá trình phát triển của tiếng Việt gắn bó với lịch sử phát triển của dân tộc của đất nước. Trong tiến trình phát triển của mình, tiếng Việt đã vay mượn tiếng Hán nhưng Việt hoá âm đọc để làm cho tiếng Việt ngày càng thêm phong phú và bảo tồn, phát triển tiếng nói dân tộc. Do đó, trong tiếng Việt ngày nay vẫn còn một bộ phận lớn từ Hán Việt. Trong tiết học hôm nay cô và các em sẽ cùng đi tìm hiểu về bộ phận từ ngữ này.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- Nắm được các khái niệm về từ Hán Việt, biết cách phân biệt từ Hán Việt và từ thuần Việt.

- Nắm được khái niệm và đặc điểm của đoạn văn, văn bản.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cặp đôi để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Tìm hiểu lí thuyết về từ Hán Việt:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu đọc mục **Kiến thức ngữ văn** (Tr 48/SGK) và trả lời câu hỏi:  *+ Thế nào là từ Hán Việt?*  *+ Lấy ví dụ về từ Hán Việt.*  *+ Phân biệt từ Hán Việt và từ thuần Việt.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **I. Lý thuyết**  **1. Từ Hán Việt**  **Từ Hán Việt** là những từ mà tiếng Việt mượn từ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) được đọc theo cách đọc Hán Việt.  **Ví dụ**: sơn hà, quốc gia, vĩ đại, nhân ái,...  \* Các yếu tố cấu tạo từ Hán Việt thường không có khả năng dùng như một từ đơn để tạo câu như các yếu tố thuần Việt cùng nghĩa. |
| **\* Tìm hiểu lí thuyết về văn bản và đoạn văn:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu đọc mục **Kiến thức ngữ văn** (Tr 48/SGK) và trả lời câu hỏi:  *+ Thế nào là văn bản, đoạn văn?*  *+ Nêu mối quan hệ giữa đoạn văn và văn bản.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **Bước 4. Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **2. Văn bản và đoạn văn**  **a. Văn bản:**  - Văn bản là đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp.  - Văn bản thường có dạng là bài nói, bài viết (lá đơn, bức thư, bài thơ, truyện kể, thông báo, bài văn nghị luận,...).  - Gồm có các bộ phận thống nhất về chủ đề (xoay quanh một vấn đề nhất định), liên kết bằng những từ ngữ nhất định và được sắp xếp theo thứ tự hợp lí.  **b. Đoạn văn**  - Là một phần của văn bản, được đánh dấu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng, diễn đạt một ý tương đối trọn vẹn.  - Ở dạng phổ biến (điển hình), đoạn văn gồm một số câu, trong đó thường có một câu nêu chủ đề của đoạn văn (câu chủ đề), một số câu phát triển chủ đề (câu phát triển).   * Một văn bản có thể gồm một hoặc một số đoạn văn. |

**Hoạt động 3: Thực hành tiếng Việt**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

HS thực hành các bài tập về từ Hán Việt, văn bản và đoạn văn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân hoặc hoạt động nhóm, hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Thực hành bài tập 1, 2 ( tr 54) về từ Hán Việt**  **Hình thức: Làm việc cặp đôi**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Theo dõi SGK trang 54, hoàn thành nhanh bài tập 1, 2: Tìm và giải nghĩa từ Hán Việt; phân biệt từ Hán Việt và từ thuần Việt.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số cặp đôi phát biểu.  **-** Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần). | **II.Thực hành**  **1. Bài tập 1**  **Câu văn:**"Thái độ đối xử với động vật là một tiêu chí đánh giá sự văn minh của một cá nhân hoặc cộng đồng."   * **Từ Hán Việt trong câu đã cho:** *thái độ, đối xử, động vật, tiêu chí, văn minh, cá nhân, cộng đồng.* * **Giải thích nghĩa của từ “*văn minh*” trong câu văn trên là: trình độ phát triển văn hoá của cá nhân hay cộng đồng.** * **Cách đối xử với động vật bị coi là kém văn minh, lạc hậu là việc tàn phá môi trường sống của động vật, ngược đãi, săn bắt, tàn sát động vật không nương tay,…**   **2. Bài tập 2:**  **Đọc các câu: “Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chăng chịt. Lại có những hồ năm sâu trong đất liền lớn chăng kém gì biển cả.” (Khan hiếm nước ngọt):**  **a) Xếp các từ in nghiêng vào 2 nhóm:**  + Từ thuần Việt: *đất liền, biển cả.*  + Từ Hán Việt: *đại dương, lục địa.*  **b) Xếp các từ thuần Việt, Hán Việt thành các cặp đồng nghĩa:**  Các cặp từ đồng nghĩa: *đất liền - lục địa; đại dương - biển cả.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ thuần việt** | **Từ Hán Việt** | **Cặp từ đồng nghĩa** | | * Đất liền * Biển cả | * Đại dương * Lục địa | * Đất liền- lục địa * Đại dương- biển cả |   **c) Tìm thêm hoặc đặt câu có sử dụng một trong các từ *đại đương, lục địa.***  **Ví dụ:**   * **Đại dương bao quanh các lục địa trên bề mặt Trái Đất.** * **Biển hoc vô biên. Kiến thức của mỗi người cũng chỉ là vùng biển gần bờ trong đại dương kiến thức bao la.** * **Châu Đại Dương là lục địa nhỏ nhất trong 6 lục địa.** |
| **\*Thực hành bài tập 3, 4, 5 về văn bản và đoạn văn:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***Hoạt động nhóm:***   * **Nhóm 1, 2: Bài tập 3, 4/ Tr 54** * **Nhóm 3,4: Bài tập 4, 5/ Tr 54**   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS** đọc SGK , đặt nhan đề, tìm câu chủ đề, chỉ ra phép liên kết,…  **GV** hướng dẫn HS, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   * Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm. * HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến. * GV hướng dẫn các nhóm trình bày.   **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  **Bài tập 2:** Tìm các tử láy trong bài thơ Đêm nay Bác không ngủ. Phân tích tác dụng miêu tả hoặc biểu cảm của một từ láy trong số đó.  **Bài tập 3**: Các từ láy trong khổ thơ đầu bài thơ “Lượm” giúp em hình dung chú bé Lượm như thế nào? | **3. Bài tập 3***:*  **Phân tích văn bản Khan hiếm nước ngọt:**  **a) Chủ đề của văn bản?**  - Chủ đề: Sự khan hiếm của nước ngọt.  - Chủ đề đó được thể hiện ở ngay nhan đề của văn bản.  **b) Xác định các đoạn văn và chủ đề của mỗi đoạn.**  **Văn bản gồm 05 đoạn văn:**  - Đoạn 1 (Đặt vấn đề): Nêu và bác bỏ ý kiến cho rằng con người và muôn loài không bao giờ thiếu nước ngọt.  - Đoạn 2: Số nước ngọt không phải là vô tận và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra.  - Đoạn 3: Trên hành tinh đang có khoảng hơn hai tỉ người sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hàng ngày.  - Đoạn 4: Nước ngọt phân bố không nhiều có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm.  - Đoạn 5 (đoạn kết): Giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu nước ngọt là con người phải sử dụng hợp lí, tiết kiệm nguồn tài nguyên nước quý giá đó.  **c) Nội dung các đoạn văn phục vụ cho chủ đề của văn bản như thế nào?**  Nội dung các đoạn văn là những luận điểm phục vụ cho việc chứng minh chủ đề của văn bản: *sự khan hiếm của nước ngọt.*  d) **Chỉ ra và phân tích một phép liên kết câu ở một đoạn văn trong văn bản.**  Ví dụ:   * Đoạn 5 (đoạn kết):   “**Nước ngọt** đang ngày càng khan hiểm và muốn có nước sạch, hợp vệ sinh để dùng rất tốn kém. **Vì vậy**, cùng với việc khai thác các nguồn **nước ngọt**, con người ngày càng phải sử dụng một cách hợp lí, tiết kiệm tài nguyên nước”  + Sử dụng phép nối là quan hệ từ "**Vì vậy**" để tạo liên kết giữa các câu trong đoạn văn.  + Phép lặp từ “**nước ngọt”** để liên kết câu 1 và câu 2.   * Đoạn 1:   “Nhìn vào bản đồ thế giới, đâu đâu ta cũng thấy mênh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ lớn nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì hiển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng, thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không bao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng **nghĩ như vậy** là nhầm to.”  *+* Sử dụng phép thế: cụm từ***nghĩ như* vậy** ở câu cuối đoạn để thay thế cho suy nghĩ *“thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không bao giờ thiếu nước”*  **4. Bài tập 4***:* **Đọc văn bản và đặt nhan đề cho văn bản.**  - Một văn bản có thể đặt nhiều nhan đề, miễn là nhan đề khái quát được nội dung của văn bản.  - HS có thể đặt nhan đề cho văn bản là:  Người phụ nữ đẹp nhất; Con trai tôi; Câu hỏi bất ngờ,…  **5. Bài tập 5: Đọc các đoạn văn và tìm câu chủ đề của mỗi đoạn:**  *a) Đoạn a có câu chủ đề ở đầu đoạn văn.*  *b) Đoạn b có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn văn.*  *c) Đoạn c có câu chủ đề ở cuối đoạn.* |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn với câu chủ đề cho trước.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS theo yêu cầu SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Vận dụng kiến thức để viết ngắn ở bài tập 6:**  **Hình thức: Làm việc cá nhân**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Theo dõi SGK trang 55, hoàn thành bài tập 6:  **Yêu cầu: Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng)** với một trong hai câu chủ đề sau:  **a. câu chủ đề: *Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.***  **b. câu chủ đề: *Chúng ta cần sử dụng nước ngọt một cách hợp lí, tiết kiệm*.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát, khuyến khích, hỗ trợ nếu cần.  GV có thể gợi ý HS cụ thể: viết đoạn văn đúng hình thức, đúng chủ đề  + Hình thức: Một đoạn văn không xuống dòng, không tách đoạn, các câu liên kết chặt chẽ.  + Có sử dụng câu chủ đề theo đề bài cho trong đoạn văn; các câu văn khác làm sáng tỏ cho câu văn nêu chủ đề.  **HS : L**àm bài theo yêu cầu của GV  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  GV gọi 1 số HS đọc đoạn văn.  Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4. Đánh giá kết quả**  Giáo viên nhận xét, đánh giá và cho điểm HS. | **Bài tập 6:**  **\* Đảm bảo hình thức đoạn văn.**  **\* Xác định cấu trúc đoạn văn:**  - Cấu trúc diễn dịch: câu chủ đề đặt đầu đoạn văn.  - Cấu trúc quy nạp: Câu chủ đề đặt cuối đoạn văn.  \***Viết các câu văn triển khai làm sáng tỏ câu chủ đề:** 3 – 5 câu văn. |

**\* Đoạn văn tham khảo:**

a) **Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.** Động vật có vai trò quan trọng không chỉ với đời sống con người mà còn đóng góp vào môi trường sinh thái. Hiện nay, số lượng các loài động vật đang ngày một giảm đi do những hành động săn bắn, tàn sát, phá huỷ môi trường sống tự nhiên,… của chính con người. Vì vậy mỗi chúng ta cần yêu quý bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất bằng những việc làm cụ thể. Chúng ta cần gây dựng, tái tạo lại môi trường sống cho động vật, tham gia bảo vệ, trồng và chăm sóc cây xanh, không xả rác bữa bãi,... Nhà nước cần có những điều luật xử lí nghiêm các hành vi mua bán, săn bắt các loài động vật hoang dã, các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng. Hãy yêu quý động vật, đối xử thân thiện với chúng bởi động vật cũng có quyền được sống giống như con người.

b) **Chúng ta cần sử dụng nước ngọt một cách hợp lí, tiết kiệm.** Nước ngọt là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quan trọng với cuộc sống con người. Nước cần thiết cho mọi hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người. Thử tượng tượng ra viễn cảnh cuộc sống con người sẽ ra sao nếu thiếu nước ngọt? Muôn loài sẽ không thể sống nổi, trong đó có con người. Thật đáng buồn khi chỉ vì những hành động vô ý thức của một bộ phận người như xả rác, nước thải làm ô nhiễm nguồn nước, sử dụng lãng phí nước ngọt,... mà con người đang đứng trên nguy cơ khan hiếm nguồn nước ngọt sạch một cách trầm trọng. Vì vậy, sử dụng nước hợp lí, tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước khỏi ô nhiễm là chung tay bảo đảm cuộc sống của con người, bảo vệ Trái Đất khỏi nguy cơ diệt vong.

**Hướng dẫn về nhà**

* HS hoàn thiện các bài tập phần Thực hành Tiếng Việt.
* Tự đọc: Thực hành đọc hiều văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?”

Tiết sau: cô sẽ trả bài KTGK .

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tỉ lệ**  **(%)** | ***Thời gian (phút)*** | **Tỉ lệ**  **(%)** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | **Tỉ lệ**  **(%)** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | **Tỉ lệ**  **(%)** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số câu hỏi*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** |
| 1 | Đọc hiểu | 10 | 5 | 20 | 10 | 20 | 15 | 0 | 0 | 05 | 30 | 50 |
| 2 | Tạo lập văn bản |  |  |  |  |  |  | 50 | 50 | 01 | 60 | 50 |
| **Tổng** | | **10** | **5** | **20** | **10** | **20** | **15** | **50** | **50** | **06** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **10** | | **20** | | **20** | | **50** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **30** | | | | **70** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/**  **kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/**  **kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | ĐỌC HIỂU | Ngữ liệu: ***Thơ có yếu tố miêu tả, biểu cảm*** (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Nhận diện thể thơ  - Nhận biết được các chi tiết  - Nhận diện được biện pháp tu từ  **Thông hiểu:**  - Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ.  - Nội dung chính của đoạn thơ.  **Vận dụng:**  -Viết đoạn văn ngắn nêu cảm xúc về một nội dung của đoạn thơ | 2 | 2 | 1 | 0 | 5 |
| 2 | TẠO LẬP VĂN BẢN | Viết bài văn trình bày suy nghĩ về vai trò của thiên nhiên với cuộc sống con người. | **Vận dụng cao**:  - Biết vận dụng kiến thức, kĩ năng viết bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề |  |  |  | 1 | 1 |
| **Tổng** | | |  | 2 câu | 2 câu | 1 câu | 1 câu |  |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **10** | **20** | **20** | **50** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **30** | | **70** | | **100** |

**ĐỀ BÀI SỐ 2**

**Phần I. Đọc hiểu (5.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**  
                                       Chị lúa phất phơ bím tóc  
                                       Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học  
                                       Đàn cò áo trắng  
                                       Khiêng nắng  
                                       Qua sông  
                                      Cô gió chăn mây trên đồng  
                                      Bác mặt trời đạp xe qua đỉnh núi  
(Trích Em kể chuyện này – Trần Đăng Khoa)

**Câu 1**. Xác định thể thơ của đoạn trích.

**Câu 2.** Đoạn trích đã miêu tả những sự vật nào?

**Câu 3**. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 4**. Chỉ ra và nêu tác dụng của các hình ảnh nhân hoá trong đoạn thơ.

**Câu 5.** Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên được gợi ra qua đoạn thơ trên.

**Phần II. Làm văn ( 5,0 điểm)**

Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người.

**BIỂU ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Yêu cầu** | | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | | | |
| **1** | | Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ tự do. | 0.5 đ |
| **2** | | Các sự vật: *ruộng lúa xanh non; những chị lúa; những cậu tre, đàn cò trắng, cô gió, bác mặt trời*. | 0.5 đ |
| **3** | | Nội dung chính của đoạn thơ: miêu tả bức tranh thiên nhiên đồng quê. | 1.0 đ |
| **4** | | - Các hình ảnh nhân hóa: "chị lúa phất phơ bím tóc", "Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học"; "đàn cò áo trắng/ khiêng nắng"; "cô gió chăn mây"; "bác mặt trời đạp xe".  Chỉ ra được các hình ảnh nhân hoá: 0.25 điểm  - Tác dụng:  + Làm cho các sự vật đều trở nên sinh động, có hồn: "chị lúa" điệu đà, những "cậu tre" chăm chỉ, đàn cò, cô gió và bác mặt trời cần mẫn. Tạo nên một bức tranh thiên nhiên đồng quê tươi sáng, đẹp đẽ.  + Thể hiện cái nhìn hồn nhiên, trong sáng, tinh nghịch, vui tươi của người viết.  + Làm cho đoạn thơ giàu hình ảnh và gợi cảm hơn.  Đủ cả 3 ý: 0,75 đ  Đúng 1 ý: 0,25 đ | 1.0 đ |
| **5** | | - Đảm bảo hình thức đoạn văn, không sai lỗi chính tả, ngữ pháp.  - Nội dung: Bức tranh làng quê trong cảm nhận của nhà thơ hiện lên thật trong sáng, bình yên nhưng cũng sống động biết mấy. Tất cả đều rất hồn nhiên, đáng yêu và cùng đầy ấn tượng. | 2.0 đ |
|  | | | |
| **Phần II. Tạo lập văn bản** | | **a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận xã hội:** Có đầy đủ các phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài trình bày làm rõ vấn đề; Kết bài khẳng định lại vấn đề, rút ra bài học cho bản thân. | 0.5 |
| **b. Xác định đúng yêu cầu bài viết***:* Trình bày ý kiến về vai trò của thiên nhiên với đời sống con người | 0.5 |
| **c. Triển khai vấn đề:** Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:   * Thiên nhiên là những yếu tố của môi trường sống xung quanh chúng ta như đất, nước, không khí, cây cối, ... * Thiên nhiên gắn bó mật thiết với cuộc sống con người trong mối quan hệ hữu cơ, không thể tách rời:   + Thiên nhiên là cái nôi sản sinh sự sống: hiên nhiên là nơi cung cấp các nguồn tài nguyên để phục vụ cho cuộc sống và sản xuất sinh hoạt của con người. Đơn giản là chúng ta phải hít thở không khí từ tự nhiên, uống nước từ tự nhiên, khai thác các loại khoáng sản, lâm sản, thổ sản, hải sản… để phục vụ cho nhu cầu của mình.  + Thiên nhiên không chỉ đem lại những nguồn lợi về kinh tế, lương thực hay thực phẩm mà chúng còn mang đến những danh lam thắng cảnh khắp mọi nơi trên thế giới, làm phong phú thêm cho cuộc sống của con người. Tìm về thiên nhiên, con người sẽ được thanh lọc tâm hồn, thấy thư thái, thoải mái hơn.  🡪Thiên nhiên có vai trò rất quan trọng đối với tất cả con người cũng như tất cả những sinh vật sống trên trái đất. Và nếu chúng ta biết khai thác, sử dụng hợp lí cũng như bảo tồn, gìn giữ thiên nhiên thì nó sẽ trở thành một trong những tài sản quý giá nhất của con người chúng ta.  + Tuy nhiên, con người hiện nay nhiều người không biết tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên, có nhiều hành động phá hoại, gây ô nhiễm, khai thác cạn kiệt tài nguyên,… khiến thiên nhiên đang bị biến đổi gây ra những thảm hoạ thiên nhiên mà con người lại trở thành nạn nhân.  + Rút ra bài học:  ++ Bài học bản thân: ý thức về sự quan trọng của môi trường đối với đời sống con người; có những việc làm thiết thực để bảo vệ thiên nhiên như tuyên truyền cho những người xung quanh mình biết về lợi ích của thiên nhiên khi chúng được bảo vệ và tác hại khi chúng ta phá hoại đi tài sản ấy.  ++Toàn nhân loại hãy chung tay để bảo vệ thiên nhiên- môi trường sống chung của chúng ta. | 3.0 |
| **d.** *Sáng tạo:* Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ sâu sắc.. | 0,5 |
| **e.** *Chính tả, dùng từ, đặt câu:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | 0,5 |

…………………………………………………………………………..

**GV hướng dẫn thêm cho HS tự đọc ở nhà.**

|  |
| --- |
| **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU:**  **VĂN BẢN: *TẠI SAO NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ?***  **(Theo THUỲ DƯƠNG)** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

Nhận biết và hiểu được các yếu tố hình thức và nội dung của văn nghị luận xã hội :

+ Xác định được nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

+ Hiểu, xác định, lý giải được ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng của người viết đưa ra trong văn bản nghị luận xã hội.

+ Nắm được cách trình bày văn bản nghị luận.

+ Nhận ra được ý nghĩa, mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra trong văn bản đối với đời xống xã hội và bản thân.

**2. Phẩm chất:**

- HS biết yêu quý, chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ các loài vật nuôi trong nhà.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu.**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học.

**b. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cách hiểu của mình

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1**:

Nêu vấn đề: *Nhà em có nuôi những con vật nào? Em hãy kể lại nhanh một kỉ niệm về con vật mà em yêu quý nhất trong nhà.*

**Cách 2:**

**GV chiếu** cho học sinh quan sát một số bức tranh. GV yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi*: Các bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và vật nuôi trong nhà?*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | |  |  | |  |  | |  |  |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, suy nghĩ, trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:** Nhận xét câu trả lời của HS để kết nối bài học:

**🡺GV dẫn vào bài:**

Các vật nuôi trong nhà vốn là những người bạn nhỏ của mỗi gia đình. Những thú nuôi trong nhà đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, đã vẽ nên những bức tranh kí ức thời thơ ấu thật tươi đẹp. Trong tiết học hôm nay, cô và các em sẽ đi tìm hiểu lí do vì sao mỗi gia đình nên có một vật nuôi trong nhà.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: **Đ1,** **Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được phương thức biểu đạt chính, bố cục, vấn đề chính của VB *“Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?”*

**b. Nội dung hoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và cặp đôi chia sẻ.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*GV hướng dẫn cách đọc**: đọc to, rõ ràng; chú ý âm lượng, tốc độ đọc; cần nhấn mạnh vào những cụm từ được in đậm.  - GV đọc mẫu 1 đoạn.  - Gọi 02 HS lần lượt đọc - GV nhận xét, sửa chữa cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích và các từ khó: *trắc ẩn, stress, cam kết, hậu quả.*  *\** CÁ NHÂN*:*  *+ Cho biết tên tác giả và nguồn trích dẫn của văn bản?*  *+ Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.*  *+* ***Văn bản bàn về vấn đề gì? Vấn đề đó được nêu ở phần nào? Tên văn bản và vấn đề đặt ra trong đó có liên quan gì với nhau?***  ***\****HS thảo luận nhóm theo CẶP ĐÔI:  *? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nhiệm vụ chính của từng phần.*  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận.** | **I. Đọc, tìm hiểu chung văn bản**  **1. Đọc và tìm hiểu chú thích**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK)  **2. Tìm hiểu chung**  **a.** **Xuất xứ**:  - Tác giả: Thuỳ Dương.  - Theo *Tri thức trẻ -* Báo điện tử Tổ quốc. **b. Phương thức biểu đạt chính:** nghị luận  **c. Vấn đề bàn luận:** Các lí do cần có một vật nuôi trong nhà.  **d. Bố cục:** 3 phần (theo phân chia ở SGK):  - **Phần 1: Đoạn mở đầu:** Từ đầu đến “…cho trẻ nuôi một con vật trong nhà”: Dẫn dắt và nêu vấn đề sự cần thiết của việc trẻ nên có một con vật nuôi của mình trong nhà.  - **Phần 2**: (9 đoạn giữa) Giải quyết vấn đề: Đưa ra 9 lợi ích - 9 lí do mà trẻ nên có một vật nuôi trong nhà.  🡪 Các lí do đều được in đậm để người đọc dễ nhận biết, theo dõi.  - **Phần 3:** Đoạn kết: khẳng định lại vấn đề |

**Hoạt động 2.2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, TM, NA**

- Biết nhận biết vấn đề nghị luận, hệ thống lí lẽ và bằng chứng mà người viết triển trong văn bản nghị luận

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \***Hướng dẫn HS tìm hiểu phần 1. Đặt vấn đề theo hình thức cá nhân:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS theo dõi phần 1 của văn bản.   * HS nhắc lại vấn đề nghị luận đã được rút ra trong phần tìm hiểu chung. * *Tác giả đã nêu vấn đề nghị luận như thế nào ở phần mở đầu?*   **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS suy nghĩ, trả lời cá nhân  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Đặt vấn đề**  - Dẫn dắt bằng cách đưa ra quan điểm : *Trẻ lớn lên cùng những con thú cưng của mình có tốt hay không?*  - Nêu vấn đề nghị luận: *Trẻ nên có một con vật nuôi của mình.*  🡺 Cách đặt vấn đề ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề. |
| \*Phần giải quyết vấn đề có 09 lí do mà trẻ nên có vật nuôi trong nhà. GV yêu cầu HS đánh số thứ tự 09 lí do (trước các cụm từ in đậm).  **PHIẾU HỌC TẬP 01:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần Giải quyết vấn đề: Các lợi ích của việc nuôi** | | | | **Nhóm** | **Lí do** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | **Nhóm 1, 2**  **(*Tìm hiểu lí do 1, 2, 3)*** | …. | …. | | **Nhóm 3, 4**  **(*Tìm hiểu các lí do 4, 5, 6)*** | …. | …. | | **Nhóm 5, 6**  ***(Tìm hiểu các lí do 7, 8, 9)*** | …. | …. | | |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu phần 2 của văn bản:**  **Bước 1: GV giao nhiệm v**  HS theo dõi phần 2 của văn bản.  GV chia lớp thành 06 nhóm nhỏ:  + Hoàn thành Phiếu học tập số 01 theo nhiệm vụ GV phân công trong thời gian 05 phút.  + Trả lời câu hỏi:  ? ***Các lí lẽ và bằng chứng đã nêu lên trong văn bản có phù hợp với mục đích của tác giả không? Vì sao?***  ***?Cách trình bày của văn bản có gì đáng chú ý?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Các nhóm thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  - GV khuyến khích các nhóm trình bày sản phẩm nhóm theo hình thức sơ đồ tư duy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  - GV gọi đại diện 03 nhóm lên trình bày.  - GV hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần), chốt kiến thức. | **2. Giải quyết vấn đề: Đưa ra các lợi ích của việc nuôi thú cưng**   |  |  | | --- | --- | | **Lí do** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | * Phát triển ý thức: | + Phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác.  + Học cách cảm thông và lòng trắc ẩn.  → Tạo cơ hội tự chăm sóc bản thân tốt hơn. | | * Bồi dưỡng sự tự tin | Chăm sóc tốt con vật giúp trẻ thấy bản thân mình tốt hơn. → Lòng tự trọng được vun đắp, thấy tự hào về thành tích của mình. | | * Vui chơi và luyện tập | + Vận động trong hoạt động luyện tập, vui đùa với thú cưng.  + Dành nhiều thời gian ngoài trời tốt cho con người: ánh nắng, không khí trong lành.  + Giúp trẻ áp dụng hiểu biết về vận động để có sức khỏe cho bản thân. | | * Bình tĩnh | Vật nuôi mang cảm giác yên bình và luôn dành cho con người tình yêu vô điều kiện. | | * Giảm stress | + Cử chỉ, hành động của động vật mang lại cảm giác an toàn cho trẻ.  + Chúng mang lại sự yên tĩnh cho những người cảm thấy bối rối và căng thẳng.  ++ Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó, có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ.  ++ Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người….chúng cọ vào người bạn… những tiếng “grừ, grừ”… | | * Cải thiện kĩ năng đọc | + Trẻ thích đọc to câu chuyện cho thú cưng hơn.  + Giúp rèn luyện về kĩ năng đọc trôi chảy và tốt khi trẻ có thể nghe âm thanh của chính mình. | | * Tìm hiểu về hậu quả | Khi các thú cưng không được chăm sóc tốt, kết quả thấy rõ ràng. | | * Học cách cam kết | + Nuôi thú cưng là cam kết hoàn toàn và không được coi là công việc làm thêm.  + Giúp trẻ học cách cam kết và tuân theo cam kết. | | * Kỉ luật | + Huấn luyện thú cưng và dạy nó cách nghe lời.  + Nuôi chó sẽ giúp trẻ học và rèn luyện tính rèn luyện. |   **🡺Nhận xét:**  - Người viết khẳng định lợi ích, tầm quan trọng của việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kĩ năng sống cũng như cái thiện đời sống tinh thần.  - Hệ thống lí lẽ đa dạng, bằng chứng thuyết phục, phù hợp với mục đích tác giả nhằm thuyết phục mọi người nên có vật nuôi trong nhà.  - Cách trình bày: các lí lẽ được đặt ngay đầu đoạn và được in đậm rõ ràng giúp người đọc dễ nắm bắt thông tin chính. |
| **\*Hướng dẫn HS tìm hiểu phần 3 của văn bản:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  ***Suy nghĩ cá nhân:***  *? Đoạn kết đã thể hiện thái độ đồng tình hay phản đối của tác giả?*  *? Vai trò của đoạn kết là gì?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** | 1. **Khẳng định lại vấn đề**   - Bày tỏ thái độ đồng tình với việc nên có vật nuôi trong nhà.  - Khẳng định một lần nữa những lợi ích của việc nuôi một con vật:  + Giúp trẻ học nhiều kĩ năng sống.  + Cải thiện đời sống tinh thần.  + Có thêm một "người bạn" chia sẻ thời thơ ấu. |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Hoạt động thảo luận theo cặp đôi trong bàn:  ? Nêu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ, thảo luận và ghi ra giấy. * GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận** | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Lập luận chặt chẽ  - Hệ thống lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Cách trình bày rõ ràng các tiểu mục, dễ nắm bắt nội dung văn bản.  **2. Nội dung:**  Văn bản nêu những lợi ích của việc nuôi một thú cưng trong nhà. Từ đó đồng tình với quan điểm nên nuôi một con vật khi nhà có trẻ con. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi; tham gia trò chơi học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Bài tập 1: Vẽ sơ đồ tư duy bài học**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

Làm việc cá nhân: Hoàn thành sơ đồ tư duy về văn bản theo mẫu sau:

***Bằng chứng***

………

**Lí lẽ 9:**

.......

**Lí lẽ 1**

………

**Lí lẽ 2:**

……..

**Lí lẽ …**

.......

***Bằng chứng****:*

*……….*

***Bằng chứng***

……….

***Bằng chứng***

………

**Ý KIẾN: Trẻ em nên có vật nuôi trong nhà**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, làm việc cá nhân trong 03 phút.
* GV gọi 02 HS lên bảng lập sơ đồ.
* GV quan sát, gợi dẫn nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi các HS nhận xét sơ đồ tư duy của các HS trên bảng.
* GV khuyến khích HS đưa ra thêm các lí lẽ và bằng chứng vào sơ đồ ở ngoài văn bản SGK.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**Rubric đánh giá sản phẩm sơ đồ tư duy:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | **Mức đánh giá** | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** |
| Sơ đồ tư duy | - Phần thông tin: Chỉ nêu được một lí lẽ và bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ chỉ có 1 nhánh chính | - Phần thông tin: Chỉ nêu được ba đến năm lí lẽ, chưa đủ bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính và các nhánh phụ nhưng chưa được sắp xếp hợp lí | - Phần thông tin: Nêu được đủ 9 lí lẽ, đủ bằng chứng.  - Phần hình thức: Sơ đồ có nhánh chính, nhánh phụ, sắp xếp hợp lí. |

**\*Bài tập 2: Nội dung hai văn bản***Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***và***Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?***có điểm gì giống nhau? Điểm giống nhau ấy có ý nghĩa gì đối với em?**

**Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

**HS làm việc theo cặp trong bàn:**

+ GV yêu cầu HS chỉ ra điểm giống nhau giữa 2 văn bản đọc hiểu SGK:  *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?***và***Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?*

*+ Rút ra bài học cho bản thân.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp trong 03 phút.
* GV quan sát, động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi đại diện một số cặp HS trả lời.
* Các HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

**Gợi ý:**

- **Điểm giống nhau của hai văn bản**:

+ Đều viết về đề tài loài vật, vật nuôi.

+ Đều nêu lên lợi ích của động vật với con người.

+ Đều thể hiện thái độ yêu quý, bảo vệ động vật.

- **Rút ra bài học cho bản thân:** Điểm giống nhau ấy giúp em rút ra bài học cần học cách đối xử thân thiện với với động vật, đặc biệt là các vật nuôi trong nhà.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

GV đặt vấn đề:

1. Hằng năm, cứ độ vào mùa hè thì những người dân ở quần đảo Faroe, Đan Mạch lại tưng bừng tổ chức **lễ hội săn và giết cá voi hoa tiêu.** Mặc dù gặp rất nhiều phản đối của các tổ chức yêu động vật vì tính tàn bạo của lễ hội nhưng nó vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.Theo ghi nhận, mỗi năm có khoảng hơn 200 chú cá voi hoa tiêu bị giết trong lễ hội này mặc dù cả thế giới chỉ có khoảng 200 nghìn con. Cá heo hoa tiêu được biết là một loài rất to lớn, hiền lành và chỉ ăn cá nhỏ.

Tại đất nước Nepal**, lễ hội** **Gadhimai l**à một trong những lễ hội hiến tế có số lượng động vật bị giết nhiều nhất trên thế giới. Vào ngày này, những tín đồ Hindu sẽ đổ về đền thờ nữ thần sức mạnh Gadhimai để dự lễ tế thần. Trước ngày diễn ra buổi lễ, hàng ngàn con trâu được dồn vào khu đất rộng và nhốt lại.Với người Hindu, bò là động vật linh thiêng nhưng giết trâu sẽ mang tới vụ mùa bội thu

|  |  |
| --- | --- |
| Cả một vùng biển Đan Mạch bị nhuộm đỏ bởi máu của những chú cá voi hoa tiêu đáng thương bị tàn sát trong lễ hội hằng năm tại quần đảo Faroe.  Cả một vùng biển Đan Mạch bị nhuộm đỏ bởi máu của những chú cá voi hoa tiêu đáng thương bị tàn sát trong lễ hội hằng năm tại quần đảo Faroe. | dfdf  Lễ hội Gadhimai, được cho là [lễ hội hiến tế động vật](https://laodong.vn/van-hoa/lan-toa-thong-diep-ve-phuc-loi-dong-vat-trong-cac-le-hoi-truyen-thong-762696.ldo) lớn nhất hành tinh, đang diễn ra ở Nepal |

1. Ở Việt Nam cũng tồn tại một số lễ hội hiến sinh vật nuôi, gây cảnh đổ máu, chém giết dã man cũng gây ra nhiều tranh cãi, ví dụ như lễ hội Chém lợn ở [Bắc Ninh](http://tintuc.vn/bac-ninh), lễ hội Cầu trâu ở Phú Thọ:

|  |  |
| --- | --- |
| Rùng mình lễ hội chém lợn làng Ném Thượng - ảnh 13  Lễ Hội chém lợn ở làng Ném Thượng, xã Khắc Niệm, Bắc Ninh | https://media.tintuc.vn/uploads/medias/2015/03/10/550x500/chem-lon-dap-trau-cuop-loc-o-le-hoi-se-bi-xem-xet-lai-bb-baaacufabF.jpg  Lễ hội Cầu trâu ở Phú Thọ với cảnh đập trâu cũng bị cho là dã man |

? Em có đồng tình với những lễ hội văn hoá trên ở Việt Nam cũng như trên thế giới?

? Nếu không đồng tình, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) để kêu gọi mọi người xoá bỏ những nghi thức hiến sinh trong các lễ hội đó.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ trả lời

- GV quan sát, hỗ trợ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi một số HS trình bày quan điểm.

- HS báo báo kết quả, HS khác lắng nghe, bổ sung, phản biện.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận.**

**Gợi ý**

\*Quan điểm không đồng tình với các nghi thức sát sinh động vật trong các lễ hội.

\*GV hướng dẫn HS viết đoạn văn đảm bảo hình thức và nội dung (xác định rõ câu chủ đề trước khi viết).

**Ví dụ đoạn văn tham khảo:**

Hằng năm, trên thế giới diễn ra rất nhiều các lễ hội tôn giáo tín ngưỡng tàn sát, hiến sinh các động vật. Những lễ hội gây phản cảm cho người xem, gây bức xức trong dư luận quốc tế. Mặc dù những lễ hội này chính là tập tục lâu đời của người dân các nước nhưng những hình ảnh của nó làm xấu đi hình ảnh của các nước khi cổ vũ việc đối xử tàn ác đối với động vật, đi ngược với lối đối xử nhân đạo, tôn trọng và bảo vệ động vật trên toàn thế giới. Do đó, chúng ta cần thay đổi một số những tập tục đã lạc hậu trong các lễ hội để phù hợp với sự văn minh của nhân loại ngày nay. Mỗi người dân hãy chung tay đẻ bảo vệ động vật bởi vì động vật cũng có quyền được sống như con người.

**Hướng dẫn về nhà**

* Vẽ sơ đồ tư suy về bài học.
* Chuẩn bị nội dung phần viết: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

..............................................................................................................................

**GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước ở nhà**

|  |
| --- |
| **Tiết…**  **VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**  **(Văn nghị luận)**  Thời gian thực hiện: 3 tiết |

1. **Mục tiêu**
2. **Năng lực**

- Biết viết một đoạn văn đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung.

- Tự nhận thức được một số sự việc, hiện tượng tích cực hay tiêu cực trong cuộc sống

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống: biết nêu vấn đề nghị luận; đưa ra hệ thống lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ hiện tượng; có thái độ rõ ràng về hiện tượng.

- Rèn luyện kĩ năng tư duy, hình thành ý tưởng và trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, giàu sức thuyết phục.

1. **Phẩm chất**

- Biết nêu suy nghĩ, bày tỏ thái độ của bản thân trước những sự việc, hiện tượng trong đời sống.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế.

1. **Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

1. **Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

**Yêu cầu:** GV cho HS quan sát một số hình ảnh và đặt câu hỏi:

+ Em hãy cho biết mỗi hinh ảnh mô tả hành động/hiện tượng/sự việc gì?

+ Em hãy phân loại: *đâu là hành động/hiện tượng/sự việc tích cực? Đâu là hành động/hiện tượng/sự việc tiêu cực?*

+ Ngoài những hiện tượng/sự việc trên, em còn bắt gặp những hành động/hiện tượng/sự việc nào mà em ấn tượng trong cuộc sống?

|  |  |
| --- | --- |
| Xử phạt hành vi xả rác: Lợi đơn, lợi kép | Làm từ thiện như thế nào cho đúng lời Phật dạy? - TT. Thích Chân Quang -  Thiền Tôn Phật Quang |
| **Tranh 1** | **Tranh 2** |
| BÁO SÀI GÒN GIẢI PHÓNG | Báo động tình trạng trẻ hóa hút thuốc lá |
| **Tranh 3** | **Tranh 4** |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS quan sát các hỉnh ảnh.
* HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp các câu hỏi.
* GV quan sát, gợi ý nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

* GV gọi một số đại diện trả lời các câu hỏi.
* Các HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, dẫn vào nội dung bài học.

**Gợi ý trả lời các câu hỏi**

\* Nội dung các bức tranh:

- Tranh 1: hành vi vứt rác bừa bãi.

* Tranh 2: hành động từ thiện, giúp đỡ trẻ em, đồng bào dân tộc vùng sâu vùng xa.
* Tranh 3: hành động cùng nhau trồng cây chắn cát, chắn sóng ven biển
* Tranh 4: hành động hút thuốc lá ở học sinh THCS.

\* Phân loại:

- Các hành động 1, 4: hiện tượng đ/s tiêu cực.

- Các hành động 2, 3: hiện tượng đ/s tích cực.

\* Ngoài ra, trong cuộc sống, ta còn bắt gặp rất nhiều những sự việc, hiện tượng như: việc sử dụng túi nilông; hiện tượng vi phạm luật giao thông hay nghiện game ở học sinh; hành động dũng cảm cứu giúp người khác; chiến dịch dọn rác thải ở sông, hồ, biển;…

🡺**GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**:  Đứng trước mỗi sự việc, hiện tượng trong đời sống, chúng ta đều cần nói lên những suy nghĩ, quan điểm và đưa ra những lí lẽ và bằng chứng để bảo vệ quan điểm đó. Trong tiết học hôm nay, cô và các em sẽ củng cố kí năng viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về sự việc, hiện tượng đời sống.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1:GV giao nhiệm vụ:**  Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 58-59), hãy cho biết:  + Thế nào là viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống?  *+* Kể những ra những hiện tượng đời sống cần quan tâm mà em biết.  + Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần làm gì?  + Nêu dàn ý chung của một bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** | **I. Yêu cầu chung**  **1. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là gì?**  - Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ và đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  - Hiện tượng đời sống thường do đề bài nêu lên nhưng cũng có thể do người viết tự xác định:  + Việc sử dụng túi nilông;  + Hiện tượng vi phạm luật giao thông hay nghiện game ở học sinh;  + Hành động dũng cảm cứu giúp người khác;  + Phong trào dọn rác thải ở sông, hồ, biển;  + Phong trào sử dụng ống hút làm từ vật liệu thiên nhiên thay cho ống hút nhựa;  …  **2. Yêu cầu đối với bài** **trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống**: nêu ý kiến của mình, giải thích vì sao, đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng.  **3. Dàn ý chung của bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống**  **\* Mở bài:** Nêu vấn đề cần bàn luận  **\* Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.  **\* Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của em; rút ra giải pháp cho vấn đề. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS phân tích đề bài và tiến hành các bước chuẩn bị (trước khi viết) qua phiếu tìm ý.

- HS viết bài.

- Đánh giá bằng phiếu chấm – nhận xét qua các tiêu chí cụ thể.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập số 2, bài viết của học sinh và kết quả đánh giá bài viết dựa trên bảng kiểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Đề bài:** *Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ý kiến như thế nào về vấn đề này?*

**PHIẾU HỌC TẬP 01: Phiếu tìm ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng** | **Dự kiến** |
| *Hiểu nào là những con vật nuôi?* | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| *Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?* | ……………………………………………………  ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| *Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?* | ……………………………………………………  …………………………………………………… |
| *Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?* | ……………………………………………………  …………………………………………………… |

**PHIẾU HỌC TẬP 02: Tìm lí lẽ và bằng chứng cho bài văn nghị luận:**

**TẠI SAO CHÚNG TA NÊN/KHÔNG NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Lí lẽ | Bằng chứng |
| 1 | ……. | ……. |
| 2 | ……. | ……. |
| … | ……. | ……. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- GV giao nhiệm vụ**  **\*Bước 1: Chuẩn bị**  *- Tìm hiểu về các con vật nuôi.*  *- Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào? Lợi ích của vật nuôi là gì?... (Tham khảo văn bản Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?).*  *- Có thể sử dụng internet đề thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.*  *\*****Bước* 2: Tìm ý**  **Hoàn thành Phiếu học tập 01:Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:**  *+ Hiểu nào là những con vật nuôi?*  *+ Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?*  *+ Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?*  *+ Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?*  **\*Bước 3: Lập dàn ý bài văn**  Dựa vào dàn ý chung, hãy lập dàn ý của thể cho đề bài.  **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS lập dàn ý, viết bài.**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**   * GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn nội dung cho đoạn văn của mình bằng **kĩ thuật công não:**   + GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  + HS điền vào Phiếu học tập số 01: Phiếu tìm ý và Phiếu học tập 02: Tìm Lí lẽ và bằng chứng theo mẫu.  + HS lập dàn ý cho đoạn văn theo bố cục 3 phần: MB- TB-KB   * Hướng dẫn HS viết thành bài hoàn chỉnh.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **II. THỰC HÀNH**  Đề bài: : *Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ỳ kiến như thể nào về vấn đề này?*  **Bước 1: Chuẩn bị**  - Tìm hiểu về các con vật nuôi trong nhà: *chó, mèo, gà, chuột hamster, rùa cảnh; chim cảnh,...*  - Ghi lại những thông tin về vật nuôi:  + Vật nuôi khác động vật hoang dã vì vật nuôi đã được thuần hoá.  + Lợi ích của vật nuôi (Tham khảo văn bản *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?- 9 lí do).*  - Có thể sử dụng internet đề thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Hiểu nào là những con vật nuôi?  **-->Vật nuôi** có thể là:   * [Động vật](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99ng_v%E1%BA%ADt) được nuôi nhốt trong nhà ([súc vật](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%BAc_v%E1%BA%ADt)), có thể [thuần hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%A7n_h%C3%B3a) ([gia súc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_s%C3%BAc) và [gia cầm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_c%E1%BA%A7m)) hoặc bán thuần hóa * [Vật cưng](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%ADt_c%C6%B0ng), thú nuôi thông thường, [động vật cảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99ng_v%E1%BA%ADt_c%E1%BA%A3nh) hoặc các loài [thú nuôi độc lạ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%BA_nu%C3%B4i_%C4%91%E1%BB%99c_l%E1%BA%A1).   Với HS lớp 6, các em có thể hiểu đơn giản vật nuôi là các loài động vật được nuôi làm cảnh, thú cưng, được sự chăm sóc của con người.  + Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?  🡪HS có thể kể ra các vật nuôi phổ biến trong gia đình như: chó , mèo, thỏ, chim cảnh, vẹt, chuột hamster,…  + Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?  🡪Ưu điểm: tạo niềm vui cho cs con người; nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, giúp trẻ bồi dưỡng lòng trắc ẩn; giúp trẻ học được cách quan tâm, sự bình tĩnh, lối sống kỉ luật,…  🡪Hạn chế: Cũng có khi động vật làm vỡ đồ đạc trong nhà; con người phải mất nhiều thời gian chăm sóc, dọn dọn vệ sinh của chúng; lông của một số loài còn có thể gây dị ứng hô hấp,…  + Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?  🡪Mỗi gia đình nên có vật nuôi trong nhà bởi chúng đem lại nhiều lợi ích hơn tác hại.  **b) Lập dàn ý**  **\* Ý kiến đồng tình: chúng ta nên có vật nuôi trong nhà.**  **- Mở bài**: Nêu vấn đề cần bàn luận.  Ví dụ: Các loài động vật luôn tồn tại và gắn bó trong cuộc sống con người.Các loài vật nuôi trong nhà đã đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Vì thế, chúng ta nên có vật nuôi trong nhà.  - **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:  Ví dụ:  + Mỗi gia đình nên có vật nuôi trong nhà.  + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về lợi ích của vật nuôi để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà:  ++ Học được cách chăm sóc bản thân: Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp cho chúng ta, đặc biệt là trẻ em bồi dưỡng lòng trắc ẩn, biết học cách chăm sóc bản thân tốt hơn.  ++ Giảm stress: Chơi đùa với vật nuôi sẽ giúp ta rèn luyện vận động, xua đi stress, đem đến niềm vui trong cuộc sống.  ++ Học cách cam kết, kỉ luật: Việc nuôi thú cưng mang tính lâu dài, đòi hỏi sự kiên nhẫn và trách nhiệm bởi nếu không sẽ thấy luôn hậu quả về sức khoẻ của vật nuôi bị ảnh hưởng.  …  - **Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử với vật nuôi:  + Vật nuôi có rất nhiều lợi ích đối với cuộc sống con người, giúp ta hình thành nhiều kĩ năng sống.  + Mỗi chúng ta cần biết yêu quý, bảo vệ và chăm sóc tốt cho vật nuôi của mình.  **Bước 3. Viết bài**  - Viết theo dàn ý |
| **Nhiệm vụ 2: Trả bài**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  +HS tự sửa lại bài văn để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại bài văn của mình theo bảng rubric mà GV cung cấp. | **Bước 4: Trả bài ( Kiểm tra, chỉnh sửa bài văn)**  - Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.  -Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết. |

**Công cụ đánh giá:** Phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | | |
| **Mức 4** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| 1.Cấu trúc bài văn  (1,0 điểm) | Bài viết đầy đủ 3 phần chặt chẽ, logic. Thân bài tổ chức thành nhiều đoạn văn. (1,0 điểm) | Bài viết đầy đủ 3 phần. Thân bài tổ chức thành nhiều đoạn văn. (0,5 điểm) | Bài viết đầy đủ 3 phần nhưng thân bài chỉ có 1 đoạn văn. (0,25 điểm) | Bài viết chưa có bố cục 3 phần  (0,0 điểm) |
| 2.Lập luận  (4,0 điểm) | Hệ thống luận điểm rõ ràng, toàn diện, sâu sắc và được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng | Hệ thống luận điểm tương đối, rõ ràng, phù hợp và hầu hết được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng | Luận điểm chưa rõ ràng, phù hợp, không được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và dẫn chứng | Không nêu được luận điểm về vấn đề nghị luận. |
| Hệ thống luận điểm được trình bày theo trình tự hợp lí, logic, chặt chẽ, thuyết phục. | Hệ thống luận điểm được trình bày theo trình tự tương đối hợp lí. | Các luận điểm Chưa rõ các  trình bày chưa  theo trình tự hợp lí. | . - Chưa rõ các luận điểm và trình tự của luận điểm. |
| - Lí lẽ thuyết phục, sâu sắc. | Lý lẽ hợp lý, được trình bày sáng rõ. | - Lí lẽ chưa rõ ràng. | - Lí lẽ chưa phù hợp hoặc chưa đưa ra được lí lẽ |
| - Dẫn chứng xác thực, tiêu biểu, phong phú thể  hiện sự hiểu biết rộng rãi, sâu sắc. | - Dẫn chứng rõ ràng phù hợp với luận điểm nhưng chưa phong phú, tiêu biểu. | - Dẫn chứng không xác thực, nghèo nàn, chưa rõ ràng. | - Không đưa ra được dẫn chứng phù hợp với vấn  đề nghị luận |
| 4,0 điểm | 2,5-3,5 điểm | 1,0 - 2,0 điểm | 0 điểm |
| 3.Diễn đạt  (3,0 điểm) | Vốn từ ngữ phong phú, có từ hay, biểu cảm; kiểu câu đa dạng. | Vốn từ ngữ tương đối phong phú, có từ hay, biểu cảm; kiểu câu khá đa dạng. | Vốn từ cònnghèo  nàn, câu đơn điệu. | Vốn từ nghèo nàn, câu đơn điệu. |
| Sử dụng phép liên kết đa dạng, linh hoạt để liên kết chặt chẽ các đoạn, các câu với nhau. | Sử dụng được phép liên kết đa dạng, linh hoạt để liên kết chặt chẽ các đoạn, các câu với nhau. | Sử dụng được phép liên kết liên kết chặt đoạn, các câu chẽ các đoạn, với nhau ở một số chỗ. | Chưa sử dụng được phép liên kết hoặc sử dụng chưa phù hợp để liên kết các đoạn, các câu với nhau. |
| Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | Không hoặc mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | Mắc khá nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | Mắc rất nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. |
| 3,0 điểm | 1,5 – 2,5 điểm | 0,5 -1,0 điểm | 0 điểm |
| 4. Trình bày  (1,0 điểm) | - Chữ viết cẩn thận rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ; chỉ gạch xóa rất ít. (1,0 điểm) | - Chữ viết rõ ràng, trình bày tương đối sạch sẽ, có một số chỗ gạch, xóa.  (0,5 điểm) | - Chữ viết tương đối rõ, có nhiều chỗ gạch xóa.  (0,25 điểm) | - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc; bài văn trình bày chưa sạch sẽ.  (0,0 điểm) |
| 5. Sáng tạo  (1,0 điểm) | - Có một số chỗ thể hiện quan điểm/cách nhìn mới và diễn đạt độc đáo mới mẻ.  (1,0 điểm) | - Có một quam điểm/ cách nhìn mới và có một chỗ diến đạt độc đáo mới mẻ.  (0,5 điểm) | - Có quan điểm/ cách nhìn mới hay có một chỗ diễn đạt độc đáo, mới mẻ.  (0,25 điểm) | - Không có cái nhìn mới và không có chỗ diễn đạt sáng tạo.  (0,0 điểm) |

**Hướng dẫn về nhà**

* **Hoàn thiện lại bài văn theo phiếu đánh giá.**
* **Chuẩn bị bài nói nghe: Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.**

**GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước ở nhà**

|  |
| --- |
| **Tiết ………: NÓI VÀ NGHE**  **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG** |

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Biết xác định ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân trước một hiện tượng trong đời sống.

- Biết trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một hiện tượng trong đời sống bằng các lí lẽ và bằng chứng..

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện bản thân

- Biết lắng nghe

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV chiếu video về sự gần gũi giữa con người và động vật theo link: <https://www.youtube.com/watch?v=WCD6JaLJouY>

HS xem video và chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân sau khi xem video*.*



**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem video chăm chú và suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

* HS chia sẻ nhanh suy nghĩ về một bài phút (kĩ thuật trình bày 01 phút).

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**🡪GV dẫn dắt vào nội dung tiết học**: Trong tiết học trước, các em đã học cách viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề có nên nuôi vật nuôi tỏng nhà. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề này dưới dạng lời nói, qua đó củng cố cách trình bày ý kiến của bản thân về một hiện tượng đời sống.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và thực hành**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói nghe trình bày ý kiến về một vấn đề

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  *+ Theo em, trong bài nói trình bày về một ý kiến, người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?*  *+ Bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi trả lời các câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK)  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.** | **I. Tìm hiểu chung về bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống**  **1. Định nghĩa**:  Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ, đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể về hiện tượng ấy để làm sáng tỏ cho ý kiến của người viết.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề, các em cần:  - Xác định vấn đề định trình bày ý kiế Để trình bày ý kiến về một vấn đề, các em cần.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói: Xác định hệ thống lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người.  - Thực hành trình bày ý kiến trước lớp.  - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, video, thiết bị hỗ trợ nếu cần. |

**Hoạt động 2.2: Thực hành nói và nghe**

***Đề bài***: *Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ý kiến như thế nào về vấn đề này?*

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI**  **a. Mục tiêu: N1- GQVĐ:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  **c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  ? **Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau**:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **? Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình?**  - Dựa vào dàn ý bài viết, HS bổ sung, chỉnh sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).  - Nếu trình bày ý kiến về một vấn đề khác với vấn đề ở phần *Viết*thì lập dàn ý cho bài nói.  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày bài nói.  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**    -Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  + Vấn đề cần trình bày: ý kiến về *việc có nên có các vật nuôi trong nhà hay không?*  *+ Người nghe: các bạn trong lớp, cô/thầy giáo.*  *+ Không gian: lớp học*  *+ Thời gian: trình bày ý kiến trong khoảng 05 phút*  - Bổ sung các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt,… cho phù hợp với phần trình bày bài nói.  - Bổ sung tranh ảnh, video,.. (nếu cần):  **2. Tìm ý, lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  **Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**   + Hiểu nào là những con vật nuôi?  **Vật nuôi** có thể là:   * [Động vật](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99ng_v%E1%BA%ADt) được nuôi nhốt trong nhà ([súc vật](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%BAc_v%E1%BA%ADt)), có thể [thuần hóa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%A7n_h%C3%B3a) ([gia súc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_s%C3%BAc) và [gia cầm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_c%E1%BA%A7m)) hoặc bán thuần hóa * [Vật cưng](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%ADt_c%C6%B0ng), thú nuôi thông thường, [động vật cảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%99ng_v%E1%BA%ADt_c%E1%BA%A3nh) hoặc các loài [thú nuôi độc lạ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%BA_nu%C3%B4i_%C4%91%E1%BB%99c_l%E1%BA%A1).   Với HS lớp 6, các em có thể hiểu đơn giản vật nuôi là các loài động vật được nuôi làm cảnh, thú cưng, được sự chăm sóc của con người.  + Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?  🡪HS có thể kể ra các vật nuôi phổ biến trong gia đình như: chó , mèo, thỏ, chim cảnh, vẹt, chuột hamster,…  + Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?  🡪Ưu điểm: tạo niềm vui cho cs con người; nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, giúp trẻ bồi dưỡng lòng trắc ẩn; giúp trẻ học được cách quan tâm, sự bình tĩnh, lối sống kỉ luật,…  🡪Hạn chế: Cũng có khi động vật làm vỡ đồ đạc trong nhà; con người phải mất nhiều thời gian chăm sóc, dọn dọn vệ sinh của chúng; lông của một số loài còn có thể gây dị ứng hô hấp,…  + Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?  🡪Mỗi gia đình nên có vật nuôi trong nhà bởi chúng đem lại nhiều lợi ích hơn tác hại.  \* **Lập dàn ý:**  **- Mở bài**:  + Lời chào hỏi mở đầu.  + Nêu vấn đề cần bàn luận.  Ví dụ: Các loài động vật luôn tồn tại và gắn bó trong cuộc sống con người.Các loài vật nuôi trong nhà đã đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Vì thế, chúng ta nên có vật nuôi trong nhà.  - **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Kết hợp với đạo cụ, ngôn ngữ cơ thể khi trình bày bài nói.  Các lí lẽ, bằng chứng:  + Mỗi gia đình nên có vật nuôi trong nhà.  + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về lợi ích của vật nuôi để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà:  ++ Học được cách chăm sóc bản thân: Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp cho chúng ta, đặc biệt là trẻ em bồi dưỡng lòng trắc ẩn, biết học cách chăm sóc bản thân tốt hơn.  ++ Giảm stress: Chơi đùa với vật nuôi sẽ giúp ta rèn luyện vận động, xua đi stress, đem đến niềm vui trong cuộc sống.  ++ Học cách cam kết, kỉ luật: Việc nuôi thú cưng mang tính lâu dài, đòi hỏi sự kiên nhẫn và trách nhiệm bởi nếu không sẽ thấy luôn hậu quả về sức khoẻ của vật nuôi bị ảnh hưởng.  + Tuy rằng cũng có lúc vật nuôi gây chút rắc rối cho chúng ta (làm vỡ đồ đạc, vệ sinh lung tung,…) nhưng ta không thể phủ nhận những lợi ích tuyệt vời mà vật nuôi mang lại.  - **Kết bài:**  + Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử với vật nuôi:  + +Vật nuôi có rất nhiều lợi ích đối với cuộc sống con người, giúp ta hình thành nhiều kĩ năng sống.  ++ Mỗi chúng ta cần biết yêu quý, bảo vệ và chăm sóc tốt cho vật nuôi của mình.  + Lời kết  **3. Tự luyện tập và trình bày**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **4. Kiểm tra, chỉnh sửa.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | Giới thiệu được hiện tượng đời sống: *Nêu được ý kiến có nên có vật nuôi trong nhà hay không.* |  | | Em đã trình bày lần lượt: các lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề |  | | Em đã dùng ngôi thứ nhất để trình bày vấn đề. |  | | Em đã sử dụng giọng điệu, âm lượng, các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) hài hoà khi trình bày. |  | |
| **THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**  **a. Mục tiêu: N1- GQVĐ:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.  **b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.  **c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.  **d. Tổ chức thực hiện.** | |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Lưu ý:   * GV có thể cho HS hoạt động theo cặp đôi, cùng xây dựng bài nói và cùng lên trình bày trước lớp (HS tự phân công các phần trong bài nói của cả 2) | **II. Thực hành nói và nghe** |
| **TRAO ĐỔI, THẢO LUẬN LỚP VỀ BÀI NÓI**  **a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá hoạt động nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .  **d. Tổ chức thực hiện.** | |
| **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV yêu cầu HS đánh giá bài nói của các bạn đã trình bày theo phiếu đánh giá HĐ nói gắn với các tiêu chí.  **\* GV đặt thêm câu hỏi**:  + Với người nghe*: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  + Với người nói: *Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV Gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn.  - Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn.  **\* Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **III. Đánh giá, thảo luận**  \* **Bảng kiểm tra bài nói của bạn: Tham khảo phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí (phía dưới)**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin (ý kiến, lí lẽ và bằng chứng về vật nuôi) của người nói. |  | | - Đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm hay điểm hạn chế của bạn; điều em tâm đắc hay điều em muốn thay đổi trong bài nói của bạn. Nêu câu hỏi nếu thấy chưa rõ. |  | | - Thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, động viên khi nghe bạn trình bày ý kiến. |  | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** |
| 1. Giới thiệu được vấn đề nghị luận là hiện tượng đời sống | Chưa có vấn đề để nói | Có giới thiệu vấn đề nhưng chưa rõ ràng quan điểm (chưa khẳng định nên hay không nên có vật nuôi trong nhà) | Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề nghị luận về hiện tượng đời sống |
| 2. Làm sáng tỏ ý kiến về hiện tượng đời sống | Có ít lí lẽ, không có bằng chứng để thuyết phục người nghe | Có lí lẽ, bằng chứng để người nghe hiểu được nội dung vấn đề nhưng chưa hấp dẫn. | Lí lẽ sâu sắc, bằng chứng cụ thể phong phú, hấp dẫn, gần gũi với thực tế cuộc sống |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, chủ động thuyết trình | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần, phụ thuộc văn bản chuẩn bị sẵn | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu, chủ động thuyết trình | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng; chủ động thuyết trình |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Bài nói tham khảo:**

*Đề bài: Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ý kiến như thế nào về vấn đề này?*

|  |
| --- |
| **\* Chào hỏi, giới thiệu vấn đề bài nói:**  Xin chào Cô và các bạn. Tôi tên là......................, học lớp......., trường.................  **\*Dẫn dắt và nêu ý kiến của mình:**  Như chúng ta đã biết, trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: ***Liệu có nên có vật nuôi trong nhà?*** Trước khi vào vấn đề, cho tôi được hỏi các bạn ở đây: *Có bao nhiêu bạn ở đây đã từng hoặc đang sở hữu một em con thú cưng*? Xin mời các bạn giơ tay. À có vẻ số lượng người nuôi thú cưng khá nhiều/ khá ít.  Giao lưu với một bạn giơ tay: Bạn có thể cho mình biết bạn đang nuôi loại thú cưng nào? Cuộc sống của bạn trước và sau khi nuôi em thú cưng đó có gì khác nhau không?... Theo bạn thì chúng ta có nên nuôi vật nuôi trong nhà không? (Bạn HS chia sẻ). Cảm ơn sự chia sẻ của bạn.  *( Giọng tâm tình, vừa phải)* Theo quan điểm của cá nhân tôi, tôi cho rằng chúng ta nên có vật nuôi trong nhà. Dưới đây là một số lí do chứng minh cho việc tại sao chúng ta cần có ít nhất một em thú cưng trong nhà:  \* **Làm sáng tỏ vấn đề** *( Giọng tâm tình, vừa phải, rõ ràng; kết hợp với cử chỉ, ánh mắt,…):*  **Thứ nhất, thú cưng giúp chúng ta cân bằng cảm xúc**. Khoa học đã chứng minh các loài vật nuôi (đặc biệt là chó) thường khá nhạy cảm với cảm xúc. Vì vậy rất dễ dàng để chúng có thể phát hiện ra những cảm xúc tiêu cực như buồn, giận,... của con người. Những lúc ấy, thú cưng sẽ thay thế một người bạn tri âm, tri kỉ. Có những vấn đề mà con người khó có thể nói cho một người nào đó vì nhiều lí do cá nhân. Có một con vật lắng nghe, không phán xét những suy nghĩ, hành động của bạn là một cách để bạn giải tỏa căng thẳng và những nỗi buồn. Những cử chỉ âu yếm, vuốt ve của thú cưng có thể mang lại cảm giác an ủi, an toàn cho những rối loạn, bối rối trong lòng con người. Tôi có nuôi một con mèo, bất kể khi nào tôi buồn, bằng một cách thần kì nào đó, nó đều biết và ngay lập tức cuộn người trong vòng tay tôi. Đôi khi chúng ta không cần những lời khuyên cho vấn đề của mình, chúng ta chỉ cần người có thể lắng nghe để trút hết bầu tâm sự. Đôi khi sự im lặng và quấn quýt của một chú mèo là liều thuốc tốt nhất cho những rối loạn sâu thẳm bên trong con người.  **Tiếp theo, việc nuôi thú cưng giúp con người có trách nhiệm hơn**. Chăm sóc, nuôi dạy thú cưng đòi hỏi sự kiên nhẫn và khoảng thời gian nhất định. Để vật nuôi có thể phát triển một cách toàn diện, chúng ta cần dành nhiều thời gian cho những hoạt động: cho ăn, tắm rửa, vui chơi, dạy dỗ,... chúng. Bởi vì đang nắm trong tay sinh mạng của một loài động vật nên con người có xu hướng có trách nhiệm hơn trong mọi việc. Bạn không thể để một con vật chết đói, chết rét,... vì những hành động vô tâm của bản thân mình được. Hơn nữa, con người sẽ trở nên kiên nhẫn hơn khi dạy dỗ một loài vật sinh hoạt có trật tự. Trước khi vật nuôi hiểu được những điều chúng được dạy, chúng sẽ mất thời gian làm quen và thời gian này sẽ trở nên rất khó khăn với chủ. Chúng phải sai nhiều lần thì mới có thể nhận thức được đâu là hành động đúng để duy trì. Vì vậy, nếu chủ nhân của chúng không kiên nhẫn thì việc huấn luyện sẽ thất bại.  **Cuối cùng, sức khỏe của bạn sẽ được cải thiện nếu bạn nuôi dạy một loài vật nuôi đúng cách.** Hàng ngày, một số thú cưng nhất định cần có thời gian được vận động, đi dạo, chạy nhảy. Để có thể quản lí và bảo vệ chúng, chúng ta thường sẽ phải vận động theo nhịp độ của thú cưng. Hơn nữa, các bạn sẽ thức giấc và ăn ngủ điều độ hơn vì các bạn cần giữ cho thú cưng lối sinh hoạt cân bằng. Có thể nghe khó tin nhưng có bài báo khoa học còn đề cập đến việc chó có khả năng phát hiện ung thư ở người. Một đứa trẻ khi được sinh ra và lớn lên cùng động vật cũng sẽ ít có nguy cơ mắc hen suyễn và các bệnh khác hơn những đứa trẻ không tiếp xúc với động vật.  Tuy nhiên, tôi xin nhấn mạnh một điều: Chúng ta chỉ nên nuôi thú cưng sau khi đã suy nghĩ một cách nghiêm túc và kĩ càng. Nếu bản thân thấy không có đủ thời gian, không gian, tài chính, trách nhiệm,... thì không nên nuôi chúng bởi vì chúng sinh ra không phải để chịu đựng. Đừng để đến lúc những chú cún cưng, mèo cưng,... của bạn chết vì sự vô tâm của mình thì mới nhận ra rằng mình không hợp nuôi vật cưng. Hơn nữa, các bạn cần phải cân nhắc đến sức khỏe của bản thân khi nuôi chúng như việc bạn không thể nuôi mèo khi bạn bị hen suyễn; bạn không thể nuôi những con vật to nếu như bạn không thể kiểm soát được chúng,...vì nó sẽ ảnh hưởng đến cá nhân bạn cũng như những người xung quanh.  \***Kết thúc bài nói** *(Giọng lắng lại, nhẹ nhàng)*  Để chốt lại vấn đề, tôi xin khẳng định lại một lần nữa quan điểm của mình: Nuôi một con thú nuôi là một điều tốt đẹp mà bạn có thể trải nghiệm trong cuộc đời. Tuy nhiên đây phải là công việc tự nguyện, bản thân cảm thấy thích thú khi được chăm sóc vật nuôi hằng ngay chứ đừng biến chúng thành gánh nặng cho chính bản thân mình. Do đó, hãy cân nhắc kĩ lưỡng trước khi quyết định nuôi một con vật nào đó. Khi quyết định nuôi một em thú cưng là chúng ta đã kí một bản cam kết và trách nhiệm với chính mình. Hãy để cho thú cưng trở thành một người bạn tốt của bạn chứ không phải gánh nặng của bạn nhé. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự chia sẻ và đóng góp của mọi người. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP CẢ BÀI HỌC 6**

**1. Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

**2. Nội dung:**

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập

**4. Tổ chức thực hiện**

**\* Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Tự đánh giá: Văn bản “Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?”** (Trang 61- 62/SGK Ngữ văn 6 Cánh diều tập 2).

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **THẢO LUẬN THEO CẶP:**  **+** Các cặp thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:  + +Trả lời câu 1 đến câu 9 bằng cách chọn 1 đáp án:   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | **1** |  | | **…** |  | | **9** |  |   **+ Cá nhân tự trả lời** Câu 10:  **Viết một đoạn văn khoảng 4 - 5 dòng mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh...” trong đoạn văn có sử dụng từ Hán Việt.**  **Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**  **Bước 4: Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chốt kiến thức** | Tìm hiểu  **Văn bản “Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?”** (Trang 61- 62/SGK):   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | 1 | C | | 2 | D | | 3 | A | | 4 | D | | 5 | B | | 6 | C | | 7 | A | | 8 | D | | 9 | D |   **Câu 10: Viết một đoạn văn khoảng 4 - 5 dòng mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh...” trong đoạn văn có sử dụng từ Hán Việt.**  **Gợi ý**  **Nếu không có cây xanh**, sự sống trên Trái Đất này sẽ dần bị huỷ diệt. Cây xanh giúp làm mát, điều hoà không khí, đem đến sự trong lành cho khí hậu. Mất đi “chiếc điều hoà” tự nhiên này, hiện tượng biến đổi khí hậu sẽ khiến Trái Đất dần nóng lên kéo theo một loạt những thảm hoạ như băng tan, lũ lụt, hạn hán,… Mất đi “lá phổi xanh”, con người cũng sẽ đối diện với một loạt các bệnh về hô hấp do ô nhiễm không khí. Không có cây xanh cũng sẽ làm mất đi môi trường sống tự nhiên của các loài động thực vật, khiến cho hệ sinh thái mất cân bằng… Bao nhiêu **hệ quả** đó sẽ tác động vô cùng nghiêm trọng đến cuộc sống con người. Do đó, con người hãy cùng chung tay giữ màu xanh của Trái Đất để Trái Đất mãi **trường tồn.** |

**\* Nhiệm vụ 2: Lập bảng thống kê theo mẫu:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS hoàn thành bảng sau (về nhà):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật*? (Kim Hạnh Bảo – Trần Nghị Du) |  |  |
| *Khan hiếm nước ngọt* (Trịnh Văn) |  |  |
| *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* (Thuỳ Dương) |  |  |

- HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

- Báo cáo sản phẩm.

- Nhận xét và chuẩn kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG CẢ BÀI HỌC 6**

**1. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**2. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**3**. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**4. Tổ chứcthực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập về nhà)

**Dạy học dự án**: Thiếu niên vì môi trường

\* **Chia lớp thành 04 nhóm**:

* Nhóm 1: Thiết kế video về chủ đề: Bảo vệ động vật hoang dã
* Nhóm 2: Vẽ tranh cổ động tuyên truyền sử dụng hợp lí và bảo vệ nguồn nước ngọt.
* Nhóm 3, 4: Làm các sản phẩm tái chế từ rác thải nhựa để góp phần bảo vệ môi trường.

Các nhóm sẽ báo cáo sản phẩm sau 01 tuần chuẩn bị.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, phân công hoàn thành nhiệm vụ nhóm được giao.

- GV khích lệ, giúp đỡ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận vào buổi chiều (sau 01 tuần).

- HS khác nhận xét, góp ý.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS.

- Cho điểm hoặc phát thưởng cho các nhóm.

Công cụ đánh giá sản phẩm học tập theo rubric:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế video về chủ đề bảo vệ động vật hoang dã  **(10 điểm)** | Video chưa nêu rõ thông điệp; hình ảnh, âm thanh chưa nổi bật.  (5 - 6 điểm) | Video nêu được thông điệp bảo nhưng hình ảnh, âm thanh chưa hấp dẫn  (7 - 8 điểm) | Video nêu thông điệp sâu sắc và rất hấp dẫn, cuốn hút bởi hình ảnh, âm thanh  (9 - 10 điểm) |
| Vẽ tranh tuyên truyền sử dụng hợp lí và bảo vệ nguồn nước **(10 điểm)** | Các nét vẽ chưa đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc; thông điệp chưa rõ ràng.  ( 5 – 6 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú; tranh đã thể hiện đươc thông điệp.  (7 – 8 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn; thông điệp được truyền đạt mạnh mẽ, gây ấn tượng.  (9 - 10 điểm) |
| Sản phẩm tái chế từ rác thải nhựa  **(10 điểm)** | Chưa có giá trị sử dụng; chưa có tính thẩm mĩ; có ý nghĩa với môi trường.  ( 5 – 6 điểm) | Có giá trị sử dụng; có tính thẩm mĩ tương đối; có ý nghĩa với môi trường.  (7 – 8 điểm) | Có giá trị sử dụng, tính thẩm mĩ cao; có tính sáng tạo độc đáo; có ý nghĩa với môi trường.  (9 - 10 điểm) |

1. Sưu tầm các bài viết, hình ảnh, video,... về tác dụng của vật nuôi và sự cần thiết bảo vệ động vật hoang dã; tác dụng của cây xanh và sự khan hiếm nước ngọt theo cách sau:

- Sưu tầm từ sách báo em đọc hằng ngày.

- Sưu tầm từ internet (vào công cụ tìm kiếm internet gõ từ hoặc cụm từ cần tìm kiếm như: *vật nuôi, thú cưng, tác dụng của vật nuôi, động vật hoang dã, tác dụng của cây xanh,...).*

2. Đọc và tìm trong số tư liệu đã sưu tầm một bài nghị luận về đề tài vật nuôi, động vật hoang dã hoặc vai trò của cây xanh và nước ngọt đối với đời sống con người.

3. Liên hệ với cuộc sống của gia đình em và những người xung quanh để tự đánh giá, nhận xét về ý thức và việc làm bảo vệ môi trường sống của mọi người.

**4. Chuẩn bị bài 9 : Truyện (Truyện ngắn).**

**H. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Sách giáo khoa Ngữ văn 6 *Cánh diều*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

**I. RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**